

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 301/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Ngọc M, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 6, khu 1, trại giam TĐ, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà M, bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa và đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/5/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H sau thời gian tìm hiểu đã quyết định chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương vào năm 2018. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân: Vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, mỗi người có một lối sống riêng; mâu thuẫn về kinh tế, chuyện tiền bạc; ông H nghiện ma túy, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Tháng 02/2020, ông H có hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Công an phát hiện, bắt giữ. Tại Bản án hình sự số 40/2020/HSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã xử phạt ông Lê Thanh H mức án 08 năm tù. Hiện nay, bà M thấy rằng cuộc sống hôn nhân với ông H không thể tiếp tục, giữa vợ chồng không có đời sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giữa bà M và ông H có 01 con chung tên là Lê Công Tuấn A, sinh ngày 08/12/2017, hiện nay con chung đang do bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà M hiện nay đang làm công nhân cho Công ty POLYTEX FAR EASTERN Việt Nam có địa chỉ tại: Lô B-5B, CN Đường DC, khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.000.000 đồng nên hoàn toàn đủ khả năng nuôi dưỡng cháu Lê Công Tuấn A.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà M cung cấp: Đơn khởi kiện 26/5/2022; bản sao căn cước công dân và sổ hộ khẩu; bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của cháu Lê Công Tuấn A; bản sao Bản án số 40/2020/HSST ngày 18/9/2020 của TAND huyện Bàu Bàng; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải; bản trình bày ý kiến ngày 12/7/2022; đơn xin xác hận ngày 25/7/2022 có xác nhận của UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; hợp đồng lao động ngày 26/7/2020; phiếu lương tháng 5 và tháng 6 năm 2022.

Quá trình tiến hành tố tụng, tại Đơn xin vắng mặt ngày 27/7/2022; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Bình Thuận, bị đơn ông H trình bày:

Ông H và bà M là vợ chồng, sống chung từ thời điểm nào thì ông H không nhớ, trước khi về sống chung có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trước khi ông H bị bắt năm 2020, vợ chồng ông H, bà M không có mâu thuẫn gì. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

Giữa ông H và bà M có 01 con chung tên là Lê Công Tuấn A, sinh ngày 08/12/2017, hiện con chung đang ở với bà M và do bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, ông H đồng ý để cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà M không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không có điều kiện tham gia tố tụng nên ông H yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại Biên bản xác minh ngày 13/7/2022 của TAND huyện Dầu Tiếng đối với Công an xã L, huyện D, xác định được: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1990 có đăng ký thường trú tại Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, số định danh cá nhân 074090005600.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Về nội dung vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Ngọc M khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Thanh H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông Lê Thanh H đăng ký thường trú tại Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà M, bị đơn ông H vắng mặt và cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H là hợp pháp. Bà M cho rằng, thời gian đầu chung sống với ông H thì hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân: Vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, mỗi người có một lối sống riêng; mâu thuẫn về kinh tế, chuyện tiền bạc; ông H nghiện ma túy, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Bản án hình sự số 40/2020/HSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã xử phạt ông Lê Thanh H mức án 08 năm tù. Hiện nay, ông H đang chấp hành án tại Trại giam TĐ có địa chỉ tại huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Ngược lại, ông H cho rằng trước khi bị bắt năm 2020, giữa ông H và bà M không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên ông H đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà M. Việc các bên đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M với ông H có 01 con chung tên Lê Công Tuấn A, sinh ngày 08/12/2017, hiện nay con chung đang do bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông H đồng ý để con chung cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cho Mai nuôi dưỡng cháu Lê Công Tuấn A là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà M không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà M và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông H đều không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Bùi Ngọc M đối với ông Lê Thanh H, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Ngọc M được ly hôn với ông Lê Thanh H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Bùi Ngọc M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Công Tuấn A, sinh ngày 08/12/2017, số định danh cá nhân 074217006404.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Ngọc M về việc không yêu cầu ông Lê Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Bùi Ngọc M phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0007677 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà M đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T, H. B (02.2018);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng